

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Thực hiện đến ngày 31/12/2018			Giải ngân đến ngày 31/12/2018(triệu đồng)			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A Các nhóm dự án A																			
1																			
B Các nhóm dự án B																			
1																			
C Các nhóm dự án khác																			
1	Đầu tư máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Nhà in TTXVN giai đoạn 2017-2018	15/QĐ-HĐTV ngày 18/08/2017	65.400	65.400				15 tháng							1.580	61.429	63.009	57.385	



Hội đồng thành viên

(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng

(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư của năm báo cáo	Tỷ lệ L/N được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, Cty liên kết	
		Kế hoạch	Giá trị vốn góp		Tỷ lệ vốn góp (%)		Vốn Điều lệ		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018					
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	50.964	53.248	1.458	1.559			1,98	0,38
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																



Hội đồng thành viên
Trưởng Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Trần Ngọc Thành

Người lập biểu
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiền



Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2016	Năm 2017	Kế hoạch năm
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	25.812	23.212	22.500	23.243	90,05%	100,13%	103,30%
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	25.812	23.212	22.500	23.243	90,05%	100,13%	103,30%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	173.807	159.425	155.710	166.710	95,92%	104,57%	107,06%
2. Giá vốn bán hàng	113.164	107.585		115.729	102,27%	107,57%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.643	51.840		50.981	84,07%	98,34%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	7.853	12.769	15.490	16.049	204,37%	125,69%	103,61%
5. Chi phí tài chính		-1.037		28		102,70%	
6. Chi phí bán hàng	687	761		729	106,11%	95,80%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.050	46.301		52.265	108,77%	112,88%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.759	18.584		14.008	70,89%	75,38%	
9. Thu nhập khác	6.492	7.466	8.800	16.671	256,79%	223,29%	189,44%
10. Chi phí khác	3.568	2.952		5.610	157,23%	190,04%	
11. Lợi nhuận khác	2.924	4.514		11.061	378,28%	245,04%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.683	23.098	23.200	25.069	110,52%	108,53%	108,06%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.915	4.485		5.326	136,04%	118,75%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5	-2		-13	-260,00%	650,00%	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.763	18.615	18.700	19.756	105,29%	106,13%	105,65%

Hội đồng thành viên

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu

(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng

(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	2.732.109.648	24.531.502.602	25.198.834.822	2.064.777.428
- Thuế GTGT	608.431.835	10.535.483.901	11.143.915.736	-
- Thuế TNDN	779.860.969	5.382.897.613	5.434.647.049	728.111.533
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	981.248.858	981.248.858	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.343.816.844	7.631.872.230	7.639.023.179	1.336.665.895
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	886.269.387	1.783.213.600	886.269.387	1.783.213.600

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	1.701.207.837	6.018.822.795		7.720.030.632
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.602.204.575	11.927.420.000	21.965.050.000	12.564.574.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	421.832.125	335.706.256	313.598.000	443.940.381
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú: + Lợi nhuận còn lại phải nộp NNSN sau khi trích lập các quỹ phát sinh là: 1.783.213.600đ, trong đó số tiền: 1.568.843.308đ

là từ LNST còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2018 và số tiền: 214.370.292đ được bổ sung theo biên bản KTNN ngày 13/12/2018

+ Quỹ đầu tư phát triển tăng trong kỳ là: 6.018.822.795đ, trong đó số tiền: 5.926.949.813đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 91.872.982đ được trích bổ sung theo biên bản KTNN ngày 13/12/2018.

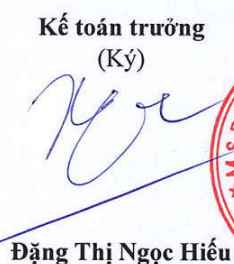
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 11.927.420.000đ, trong đó số tiền: 11.925.000.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 2.420.000đ là tiền thưởng nhận bằng khen của UBND TP.HCM.

Hội đồng thành viên
(Ký)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu:

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 7.720.030.632 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 321.665.605.872 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 19.756.499.377 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{25.069.020.387}{258.274.818.272} = 9,70\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0970 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{19.756.499.377}{258.274.818.272} = 7,649\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,07649 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{19.756.499.377}{322.359.029.644} = 6,12\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0612 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{256.793.080.819 + 256.793.080.819 + 256.793.080.819 + 262.720.030.632}{4} = 258.274.818.272 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{315.127.681.554 + 321.344.026.590 + 331.298.804.561 + 321.665.605.872}{4} = 322.359.029.644 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): Trong năm, ITAXA đã hoàn thành dự án đầu tư máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Nhà in TTXVN giai đoạn 2017-2018. Tính đến ngày 31/12/2018 đã giải ngân số tiền là: 63.008.791.781 đồng.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):



Handwritten signature

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2018 là: 26.310.559.545 đồng.

Trong đó:

- * Nợ phải thu khó đòi: 5.759.150.586 đồng.
- * Đã trích lập dự phòng: 4.111.676.091 đồng.
- * Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 5.000.000 đồng

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2018 là: 58.945.575.240 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{88.681.207.711}{44.731.744.694} = 1,98$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{88.681.207.711 - 19.917.587.421}{44.731.744.694} = 1,53 \end{aligned}$$

Handwritten signature

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{58.945.575.240}{262.720.030.632} = 22,43\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C):

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2018 đạt 23.243 triệu trang in đạt 103,30% kế hoạch, giảm 9,95% so với năm 2016 tương đương 2.569 triệu trang in và tăng 0,13% so với năm 2017 tương đương 31 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 là 166.710 triệu đồng đạt 107,06% kế hoạch, giảm 4,08% so với năm 2016 tương đương 7.097 triệu đồng, tăng 4,57% so với năm 2017 tương đương 7.285 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2018 là 115.729 triệu đồng, tăng 2,27% so với năm 2016 tương đương 2.565 triệu đồng, tăng 7,57% so với năm 2017 tương đương 8.144 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2018 là 729 triệu đồng, tăng 6,11% so với năm 2016 tương đương 42 triệu đồng, giảm 4,20% so với năm 2017 tương đương 32 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 là 52.265 triệu đồng, tăng 8,77% so với năm 2016 tương đương 4.215 triệu đồng, tăng 12,88% so với năm 2017 tương đương 5.964 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2018 là 16.049 triệu đồng đạt 103,61% kế hoạch, tăng 104,37% so với năm 2016 tương đương 8.196 triệu đồng, tăng 25,69% so với năm 2017 tương đương 3.280 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2018 là 16.671 triệu đồng đạt 189,44% kế hoạch, tăng 156,79% so với năm 2016 tương đương 10.179 triệu đồng, tăng 123,29% so với năm 2017 tương đương 9.205 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2018 là 5.610 triệu đồng, tăng 57,23% so với năm 2016 tương đương 2.042 triệu đồng, tăng 90,04% so với năm 2017 tương đương 2.658 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 25.069 triệu đồng, đạt 108,06% kế hoạch, tăng 10,52% so với năm 2016 tương đương 2.386 triệu đồng, tăng 8,53% so với năm 2017 tương đương 1.971 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 19.756 triệu đồng, đạt 105,65% kế hoạch, tăng 5,29% so với năm 2016 tương đương 993 triệu đồng, tăng 6,13% so với năm 2017 tương đương 1.141 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
 - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 9,70%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,649%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,12%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2018:

Handwritten signature

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ):

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Không

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:



NGUYỄN CHÂU PHÚC